

**ĐÁNH GIÁ SỰ TƯƠNG THÍCH CỦA NGUYÊN TẮC XỬ LÝ NGƯỜI
CHƯA THÀNH NIÊN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
SO VỚI CHUẨN MỤC QUỐC TẾ**

DƯƠNG THỊ CẨM NHUNG*

Ngày nhận bài: 22/12/2025

Ngày phản biện: 10/01/2026

Ngày đăng bài: 25/02/2026

Tóm tắt:

Bài viết phân tích các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam, kết hợp với đối chiếu các văn kiện quốc tế như Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em, Quy tắc Bắc Kinh và Bình luận chung số 24 của Ủy ban quyền trẻ em, từ đó làm rõ những chuyển biến quan trọng trong tư duy lập pháp theo hướng đề cao công lý phục hồi, xử lý chuyển hướng và tổ tụng thân thiện. Bài viết đánh giá mức độ tương thích của nguyên tắc xử lý người chưa thành niên phạm tội trong pháp luật Việt Nam so với chuẩn mực quốc tế, đồng thời chỉ ra những hạn chế và thách thức đặt ra trong quá trình tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Từ khóa:

Tư pháp người chưa thành niên, nguyên tắc xử lý, đánh giá sự tương thích, chuẩn mực quốc tế, pháp luật hình sự.

Abstract:

This article analyzes the provisions of Vietnamese criminal law, combined with a comparison to international instruments such as the United Nations Convention on the Rights of the Child, the Beijing Rules, and the Joint Commentary No. 24 of the Commission on the Rights of the Child. It clarifies the significant shifts in legislative thinking towards promoting restorative justice, diversionary measures, and child-friendly proceedings. The article assesses the compatibility of the principles for handling juvenile offenders in Vietnamese law with international standards, while also pointing out the limitations and challenges in its implementation in the future.

Keywords:

Juvenile justice, principles of handling, assessment of compatibility, international standards.

* ThS., Giảng viên Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: nhungdtc@hul.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Quốc hội thông qua Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 (Luật TPNCTN năm 2024) đã đánh dấu cột mốc lịch sử trong hệ thống tư pháp Việt Nam - lần đầu tiên Việt Nam có một đạo luật chuyên biệt, tách việc xử lý người chưa thành niên (NCTN) phạm tội ra khỏi quy trình tố tụng hình sự chung của người lớn. Trong thời điểm chuyển giao từ Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS năm 2025) sang Luật TPNCTN năm 2024, việc nghiên cứu và đánh giá sự tương thích quy định của pháp luật hình sự Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế là rất cần thiết. Bài viết tập trung phân tích mức độ tương thích của pháp luật hình sự Việt Nam về tư pháp NCTN với các chuẩn mực quốc tế, đồng thời chỉ ra những thách thức chủ yếu trong quá trình thi hành, qua đó góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho việc tiếp tục hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi trong lĩnh vực này.

2. Chuẩn mực quốc tế về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội

Hệ thống tư pháp NCTN quốc tế được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý có tính hệ thống, bao gồm các văn bản có tính ràng buộc pháp lý (hard law) và các văn kiện hướng dẫn/khuyến nghị (soft law) như: Công ước Liên hợp quốc về Quyền trẻ em năm 1989 (CRC), các quy tắc tối thiểu thống nhất của Liên hợp quốc về Quản lý Tư pháp người chưa thành niên (Quy tắc Bắc Kinh năm 1985), Hướng dẫn của Liên hợp quốc về Phòng ngừa phạm pháp ở người chưa thành niên (Hướng dẫn Riyadh năm 1990), Các quy tắc tối thiểu tiêu chuẩn của Liên hợp quốc về các biện pháp không giam giữ (Quy tắc Tokyo năm 1990), Quy tắc của Liên hợp quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do năm 1990 (Quy tắc Havana), Bình luận chung số 24 năm 2019 của Ủy ban Quyền trẻ em Liên hợp quốc. Từ việc nghiên cứu các văn kiện quốc tế về tư pháp NCTN, có thể xác định các nguyên tắc cốt lõi khi xử lý NCTN phạm tội cụ thể:

Thứ nhất, nguyên tắc đảm bảo lợi ích tốt nhất của trẻ em.

Đây chính là nguyên tắc xương sống, bao trùm và quan trọng nhất¹, chi phối mọi quyết định của cơ quan tư pháp liên quan đến trẻ em. Trong mọi hành động liên quan đến trẻ em, dù do cơ quan phúc lợi xã hội, Tòa án, hành chính hay cơ quan lập pháp tiến hành, thì lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu, với mục tiêu xử lý không phải là trừng phạt mà là giáo dục và cải tạo.

¹ Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Tư pháp đối với người chưa thành niên*, NXB Tư pháp, Hà Nội, tr. 23.

Theo Điều 3 của CRC, “Trong mọi hành động liên quan đến trẻ em... lợi ích tốt nhất của trẻ em phải là mối quan tâm hàng đầu”². Điều này yêu cầu các cơ quan nhà nước phải đặt lợi ích của trẻ em lên hàng đầu khi đưa ra quyết định ảnh hưởng đến trẻ em. Để làm rõ hơn nội dung và cách áp dụng Điều 3, khoản 1 của CRC, Ủy ban về Quyền trẻ em đã ban hành Bình luận chung số 14 với nội dung chính hướng dẫn rằng việc xác định lợi ích tốt nhất của trẻ là một quá trình linh hoạt và cần dựa trên việc đánh giá toàn diện các yếu tố trong hoàn cảnh cụ thể của từng đứa trẻ. Bên cạnh đó, Quy tắc 5, Quy tắc Bắc Kinh năm 1985 cũng quy định “Hệ thống tư pháp người chưa thành niên nhấn mạnh đến lợi ích của người chưa thành niên và bảo đảm rằng bất cứ phản ứng nào đối với người chưa thành niên phạm tội đều phải tương xứng với hoàn cảnh của người phạm tội và hành vi phạm tội”³, phúc lợi của NCTN luôn được đặt lên hàng đầu, là nguyên tắc xuyên suốt trong hệ thống tư pháp. Mọi quyết định và biện pháp xử lý phải nhằm mục đích phát triển lành mạnh, dựa trên hoàn cảnh cá nhân, gia đình và xã hội, không áp dụng theo kiểu một khuôn mẫu cho tất cả.

Thứ hai, nguyên tắc tôn trọng phẩm giá của trẻ em.

Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR) năm 1948 đã mở đầu bằng việc khẳng định: "Tất cả mọi người sinh ra đều tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền"⁴. Đối với NCTN, nguyên tắc này được củng cố và chi tiết hóa, công nhận rằng trẻ em là những cá nhân độc lập, đang trong giai đoạn phát triển và đặc biệt dễ bị tổn thương, do đó cần được tôn trọng và bảo vệ phẩm giá một cách đặc thù.

Nguyên tắc tôn trọng phẩm giá được đề cập trực tiếp và gián tiếp trong nhiều văn kiện, đặc biệt là CRC năm 1989. Điều 40 CRC nhấn mạnh rằng mọi trẻ em bị buộc tội hoặc xác định vi phạm pháp luật đều phải được đối xử theo cách phù hợp với việc tôn trọng nhân phẩm và giá trị của trẻ em: “Các quốc gia thành viên công nhận quyền của mọi trẻ em bị nghi là, bị cáo buộc là hay bị xác định là đã vi phạm pháp luật hình sự được đối xử theo cách thức phù hợp với việc thúc đẩy ý thức về nhân phẩm và giá trị của trẻ”⁵. Như vậy, nội dung của công ước cho thấy, mặc dù đã thực hiện tội phạm nhưng mỗi NCTN vẫn cần được đối xử như một người có phẩm giá⁶.

² Liên hợp quốc (1989), *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*, Điều 3.

³ Liên hợp quốc (1985), *Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về hoạt động tư pháp đối với người chưa thành niên* (Quy tắc Bắc Kinh), Quy tắc 5.

⁴ Liên hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR)*.

⁵ Liên hợp quốc (1989), *tlđđ*, Điều 40.

⁶ Đào Phương Thanh (2019), *Kinh nghiệm pháp luật quốc tế về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và bài học đối với Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tư pháp với người chưa thành niên - Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, NXB Công an nhân dân, tr.161.

Thứ ba, nguyên tắc “xử lý chuyển hướng”.

Xử lý chuyển hướng hiện nay đang là xu hướng chung trong chính sách xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội của nhiều nước trên thế giới. Nguyên tắc này được thể hiện trong pháp luật quốc tế thông qua các văn kiện như CRC, Quy tắc Bắc Kinh, Bình luận chung số 24... Theo đó, xử lý chuyển hướng được hiểu là quá trình thay thế nhằm xử lý các vi phạm của NCTN ngoài hệ thống tư pháp chính thống. Đây là quá trình giải quyết vi phạm của NCTN không thông qua tố tụng mà thông thường qua một số hình thức hòa giải giữa NCTN vi phạm, nạn nhân và thành viên trong cộng đồng⁷.

Quy tắc 11.1 Quy tắc Bắc Kinh năm 1985 khuyến nghị: “Bất cứ khi nào thích hợp, phải xem xét về việc xử lý người chưa thành niên phạm tội mà không phải đưa ra xét xử chính thức (formal trial) bởi các cơ quan có thẩm quyền...”⁸. Đồng thời, Quy tắc 11.2 cũng khẳng định xử lý chuyển hướng là biện pháp xử lý NCTN mà không cần phải dùng đến những phiên tòa chính thức và nó có thể được áp dụng ở bất cứ giai đoạn nào. Bên cạnh đó, Điều 40.3(b) CRC cũng yêu cầu “Bất kỳ khi nào thấy thích hợp và cần thiết cần đề ra các biện pháp xử lý những trẻ em vi phạm pháp luật mà không phải sử dụng đến thủ tục tố tụng tư pháp, miễn là các quyền con người và những bảo vệ pháp lý được tôn trọng đầy đủ”⁹. Quy định này đã thiết lập một khái niệm về việc cần đề ra các biện pháp xử lý trẻ em vi phạm pháp luật mà không phải dùng đến thủ tục tố tụng tư pháp (*judicial proceeding*). Điều 40.3(b) CRC nhấn mạnh việc xử lý chuyển hướng phải được thực hiện với điều kiện các quyền con người và các biện pháp bảo đảm pháp lý cho trẻ em phải được tôn trọng và bảo đảm đầy đủ¹⁰.

Thứ tư, nguyên tắc hạn chế áp dụng hình phạt tù.

Các văn bản quốc tế đều coi việc tước tự do là biện pháp gây tổn hại nghiêm trọng nhất đến sự phát triển của trẻ em. Quy tắc Havana năm 1990 xác định, người dưới 18 tuổi bị tước quyền tự do là người đang chịu bất kỳ hình thức giam giữ hoặc phạt tù nào và giam giữ phải được sử dụng như là biện pháp cuối cùng¹¹. Điều 37(a) CRC quy định: “Không được áp dụng án tử hình hoặc tù chung thân mà không có khả

⁷ Cao Thị Oanh (2019), *Xử lý chuyển hướng: Chuẩn mực quốc tế, kinh nghiệm với các nước và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tư pháp với người chưa thành niên - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, NXB Công an nhân dân.

⁸ Liên hợp quốc (1985), *tlđđ*, Quy tắc 11.1.

⁹ Liên hợp quốc (1989), *tlđđ*, Điều 40.3.

¹⁰ Mai Thị Thùy (2022), *Xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 39.

¹¹ Liên hợp quốc (1990), *Quy tắc của Liên hợp quốc về Bảo vệ Người chưa thành niên bị tước quyền Tự do* (Quy tắc Havana), Quy tắc 1.

năng được phóng thích đối với những hành vi phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện”¹². Điều 37(b) CRC quy định: “Việc bắt, giam giữ hay bỏ tù trẻ em phải đúng pháp luật và chỉ được dùng đến như một biện pháp cuối cùng, trong thời gian thích hợp ngắn nhất”¹³. Điều này xác định rằng việc bắt, giam giữ trẻ em chỉ được sử dụng khi thật sự cần thiết và trong thời gian ngắn nhất.

Bên cạnh CRC, các quy tắc tối thiểu tiêu chuẩn của Liên hợp quốc về các biện pháp không giam giữ (Quy tắc Tokyo năm 1990) ra đời với mục tiêu cốt lõi là khuyến khích các quốc gia thành viên phát triển và áp dụng các biện pháp không giam giữ như một giải pháp thay thế cho hình phạt tù. Từ đó, hợp lý hóa chính sách tư pháp hình sự, tôn trọng quyền con người và nâng cao hiệu quả giáo dục, phục hồi người phạm tội. Đây chính là bước tiến quan trọng trong việc thay đổi cách xử lý hình sự theo hướng nhân đạo, tôn trọng quyền con người và phục hồi xã hội. Đặc biệt, quy tắc này còn có ý nghĩa lớn khi áp dụng cho NCTN phạm tội, vì lứa tuổi này có tiềm năng phục hồi cao và dễ bị tổn thương bởi những tác động xấu từ việc giam giữ.

Thứ năm, nguyên tắc phù hợp và tương xứng.

Đây là nguyên tắc đảm bảo việc ngăn chặn áp dụng các hình phạt khắc nghiệt đối với trẻ em chỉ vì mục đích răn đe chung. Khi áp dụng các biện pháp xử lý cần phải tương xứng với mức độ vi phạm - tức không quá nhẹ để không đủ sức giáo dục, nhưng cũng không quá nặng đến mức gây tổn thương lâu dài cho NCTN. Theo đó, Điều 40, khoản 4 CRC yêu cầu các quốc gia cần có nhiều biện pháp xử lý khác nhau... “để bảo đảm rằng trẻ em được đối xử phù hợp với lợi ích của trẻ em và tương xứng với hoàn cảnh cũng như hành vi phạm tội của trẻ em”¹⁴. Quy tắc 5.1 và Quy tắc 17 Quy tắc Bắc Kinh năm 1985 yêu cầu “Hệ thống tư pháp người chưa thành niên... bảo đảm rằng bất cứ phản ứng nào đối với người chưa thành niên phạm tội đều phải tương xứng với hoàn cảnh của người phạm tội và hành vi phạm tội”¹⁵.

Có thể thấy, nguyên tắc phù hợp và tương xứng là cơ chế điều tiết cốt lõi, ngăn chặn các phản ứng thái quá, trừng phạt máy móc trong tư pháp NCTN, hướng hệ thống tư pháp NCTN đến một cách tiếp cận linh hoạt, nhân văn, đảm bảo mọi biện pháp được áp dụng không chỉ để giải quyết hành vi sai trái mà còn để kiến tạo một tương lai tốt đẹp hơn cho chính NCTN.

¹² Liên hợp quốc (1989), *tlđđ*, Điều 37(a).

¹³ Liên hợp quốc (1989), *tlđđ* Điều 37(b).

¹⁴ Liên hợp quốc (1989), *tlđđ*, Điều 40.4.

¹⁵ Liên hợp quốc (1985), *tlđđ*, Quy tắc 5.1.

Thứ sáu, nguyên tắc chuyên biệt của hệ thống tư pháp.

Nguyên tắc này là yêu cầu nền tảng của pháp luật quốc tế, khẳng định rằng NCTN không thể bị xét xử trong cùng một hệ thống và theo cùng một quy trình như người lớn. Thay vào đó, các quốc gia phải thiết lập một hệ thống riêng biệt, được điều chỉnh để phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và nhu cầu phát triển của trẻ em.

Điều 40 CRC khuyến nghị các quốc gia thành viên nỗ lực thúc đẩy việc thiết lập một hệ thống tư pháp NCTN chuyên biệt, chú trọng đặc biệt tới việc ban hành các đạo luật quy định trình tự, thủ tục, thể chế áp dụng cho NCTN. Bên cạnh đó, cần thiết lập các cơ quan và hệ thống cán bộ chuyên trách có kiến thức chuyên môn, kỹ năng chuyên biệt và biện pháp đặc biệt để xử lý NCTN phạm tội. Quy tắc Bắc Kinh 1985 cũng có một số các quy tắc quy định liên quan đến nguyên tắc này, như: Quy tắc 6 - Chuyên môn hóa của Cảnh sát: Khuyến khích việc đào tạo các sĩ quan cảnh sát chuyên trách hoặc thành lập các đơn vị đặc biệt để xử lý các vụ việc liên quan đến NCTN¹⁶. Quy tắc 14 - Xét xử bởi một cơ quan có thẩm quyền độc lập: Nhấn mạnh rằng việc xét xử phải được tiến hành bởi một "cơ quan có thẩm quyền" (thường là tòa án hoặc hội đồng chuyên trách) có khả năng đưa ra phán quyết một cách công tâm. Quy tắc 22 (Nhu cầu về nhân sự được đào tạo chuyên sâu): Yêu cầu tất cả nhân sự trong hệ thống tư pháp NCTN (thẩm phán, công tố viên, luật sư, cán bộ quản chế) phải được đào tạo chuyên nghiệp và bài bản về tâm lý học trẻ em, quyền trẻ em và các lĩnh vực liên quan. Bình luận chung số 24 (2019) của Ủy ban về Quyền trẻ em cũng nhấn mạnh rằng, việc thiết lập một hệ thống tư pháp chuyên biệt là yêu cầu tối thiểu và không thể thiếu. Việc quản lý tư pháp NCTN đòi hỏi phải có các thẩm phán, cảnh sát, công tố viên, luật sư bào chữa và các chuyên gia khác được đào tạo chuyên sâu¹⁷.

Như vậy, có thể thấy, nguyên tắc chuyên biệt không phải là một lựa chọn hay một sự ưu ái, mà là một nghĩa vụ pháp lý quốc tế. Nó là điều kiện tiên quyết để đảm bảo rằng hệ thống tư pháp không chỉ xác định tội phạm và trừng phạt, mà còn thực hiện được chức năng cao cả hơn là bảo vệ, giáo dục và tạo cơ hội cho những người trẻ tuổi sửa chữa sai lầm.

Tóm lại, các chuẩn mực trên chính là các cơ sở pháp lý quốc tế, cung cấp một khuôn khổ lý luận và thực tiễn phong phú, là cơ sở giúp Việt Nam xây dựng một hệ thống nguyên tắc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội ngày càng tiệm cận với các chuẩn mực tiên bộ của thế giới.

¹⁶ Liên hợp quốc (1985), *tlđđ*, Quy tắc 6, 14, 22.

¹⁷ Liên hợp quốc (2019), *Bình luận chung số 24 về quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp người chưa thành niên*.

3. Đánh giá mức độ tương thích của pháp luật hình sự Việt Nam về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội so với chuẩn mực quốc tế

3.1. Một số mức độ tương thích giữa pháp luật hình sự Việt Nam về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội so với chuẩn mực quốc tế

Sự ra đời của Luật TPNCTN năm 2024 không đơn thuần là một hoạt động sửa đổi, bổ sung luật định kỳ, mà đánh dấu một bước chuyển dịch căn bản trong tư duy chính sách hình sự của Việt Nam: chuyển từ mô hình "Tu pháp trừng phạt" sang mô hình "Tu pháp phục hồi". Dưới đây là những đánh giá chi tiết về mức độ tương thích trên các khía cạnh nguyên tắc cốt lõi:

Thứ nhất, sự chuyển biến về nhận thức từ “xử lý” sang “phục hồi”.

Về nguyên tắc "Bảo đảm lợi ích tốt nhất của trẻ em" (Điều 3 CRC), BLHS năm 2015 đã có sự ghi nhận tại Điều 91, việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội “chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội”. Khoản 2 Điều 91 BLHS năm 2015 cũng quy định việc xử lý phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức và nguyên nhân phạm tội. Đặc biệt, khoản 6 quy định điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục tại Chương XII. Tuy nhiên, trong giai đoạn này, khái niệm "lợi ích tốt nhất" chưa được lượng hóa cụ thể, thường bị đồng nhất với mục đích "giáo dục" nhằm buộc NCTN tuân thủ pháp luật, thay vì chú trọng đến việc phục hồi tâm lý và tái thiết các mối quan hệ xã hội cho NCTN.

Trong Luật TPNCTN năm 2024, nguyên tắc này đã được thể chế hóa một cách rõ nét. Lần đầu tiên, triết lý "công lý phục hồi" (Restorative Justice) không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu mà được cụ thể hóa thành quy trình tố tụng. Luật quy định rõ quyền của NCTN được tham gia các chương trình tư vấn tâm lý, hòa giải và khắc phục hậu quả. Đặc biệt, quy trình đánh giá nhu cầu cá nhân của trẻ em trước khi quyết định biện pháp xử lý thể hiện rõ sự tiếp thu triết lý công lý phục hồi, phù hợp với Điều 40 CRC và các khuyến nghị của Liên hợp quốc. Bởi, mục đích của hệ thống tư pháp hình sự không phải là để “truy cứu” đối với hành vi phạm tội trong quá khứ mà nhằm tìm kiếm nhu cầu mà người phạm tội cần, tìm cách đáp ứng nhu cầu đó để phát triển toàn diện con người¹⁸. Như vậy, có thể thấy, với nguyên tắc này, Việt Nam đã có sự tương thích cao với quy định của các chuẩn mực quốc tế. Sự ra đời của Luật TPNCTN năm 2024 đã đánh dấu sự chuyển hóa nguyên tắc này từ “khẩu hiệu” thành quy trình tố tụng thực tế.

¹⁸ Hoàng Xuân Châu (2021), *Các triết lý phổ biến xử lý người chưa thành niên phạm tội trên thế giới - kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí Luật học (2), tr.8.

Thứ hai, nguyên tắc xử lý chuyển hướng là bước tiến về thể chế hóa biện pháp phi hình sự.

Mặc dù Điều 91, Điều 92 BLHS năm 2015 đã có quy định về miễn trách nhiệm hình sự và áp dụng các biện pháp giám sát, giáo dục, song các quy định này chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của mô hình xử lý chuyển hướng theo chuẩn mực quốc tế, do các thủ tục còn mang nặng tính hành chính, rườm rà và thiếu các dịch vụ hỗ trợ đi kèm. Thực tiễn xét xử cho thấy tỷ lệ áp dụng các biện pháp này rất thấp do tâm lý "sợ bỏ lọt tội phạm" của cơ quan tiến hành tố tụng.

Luật TPNCTN năm 2024 đã dành một phần quan trọng để thiết lập chế định xử lý chuyển hướng độc lập, với quy định đa dạng các biện pháp và linh hoạt theo chuẩn mực quốc tế như: lao động công ích, tham gia các khóa học kỹ năng, cảm tiếp xúc, xin lỗi nạn nhân. Đặc biệt, việc áp dụng có thể thực hiện ngay từ giai đoạn điều tra, giúp trẻ em sớm thoát khỏi quy trình tố tụng căng thẳng. Cách tiếp cận này phù hợp với Quy tắc 11 của Quy tắc Bắc Kinh năm 1985, theo đó khuyến khích các quốc gia sử dụng các biện pháp ngoài tố tụng hình sự đối với NCTN. Đây là điểm sáng lớn nhất, đưa Việt Nam từ mức độ tương thích thấp lên mức độ tương thích cao với chuẩn mực quốc tế.

Thứ ba, thu hẹp phạm vi tước quyền tự do.

Việc BLHS năm 2015 vẫn cho phép áp dụng hình phạt tù đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi trong một số trường hợp cho thấy mức độ nghiêm khắc nhất định so với các văn kiện quốc tế về tư pháp người chưa thành niên. Tại Điều 12, Điều 101 BLHS năm 2015 quy định áp dụng hình phạt tù đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý. Tuy nhiên, mức hình phạt cao nhất vẫn lên đến 12 năm (cho độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi) và 18 năm (cho độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi), được coi là khá nghiêm khắc so với nhiều nước phát triển.

Luật TPNCTN năm 2024 tiếp tục thu hẹp phạm vi áp dụng biện pháp tạm giam và hình phạt tù. Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, mức hình phạt áp dụng cao nhất không quá 09 năm tù (giảm bớt 03 năm so với BLHS năm 2015) và đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi thì mức hình phạt tù cao nhất không quá 15 năm tù (giảm bớt 03 năm so với BLHS năm 2015)¹⁹. Các điều kiện để áp dụng biện pháp ngăn chặn giam giữ được quy định chặt chẽ hơn, buộc cơ quan tố tụng phải chứng minh rằng chỉ khi “không còn biện pháp nào khác” mới được áp dụng tước

¹⁹ Xem thêm tại Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

quyền tự do của NCTN. Biện pháp ngăn chặn “Giám sát điện tử” hoặc “Giám sát tại gia đình” được ưu tiên áp dụng thay thế cho tạm giam. Có thể thấy, dù chưa thể bỏ hoàn toàn hình phạt tù, nhưng Luật TPNCTN năm 2024 đã có xu hướng thu hẹp các loại tội phạm có thể áp dụng án tù đối với lứa tuổi từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi. Sự thay đổi này thể hiện sự tương thích ngày càng cao với chuẩn mực quốc tế, dù vẫn còn khoảng cách nhất định do Việt Nam chúng ta chưa nâng độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự lên mức cao hơn như khuyến nghị quốc tế²⁰.

Thứ tư, tổ tụng chuyên biệt.

Nguyên tắc tổ tụng chuyên biệt đòi hỏi các quốc gia phải thiết lập một hệ thống tư pháp riêng biệt, được điều chỉnh để phù hợp với độ tuổi, mức độ trưởng thành và nhu cầu phát triển của trẻ em. Trong pháp luật Việt Nam, nguyên tắc này được thể hiện qua ba phương diện chính: Hệ thống cơ quan chuyên trách, Nhân sự chuyên môn và Quy trình tổ tụng đặc thù.

Ở Việt Nam, mặc dù Tòa gia đình và người chưa thành niên đã được thành lập từ năm 2016 theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, nhằm tách biệt việc xét xử người chưa thành niên ra khỏi tổ tụng thông thường. Tuy nhiên, vai trò của các chuyên gia phi pháp lý (nhà tâm lý, nhân viên xã hội) trong tổ tụng rất mờ nhạt, vai trò của họ thường chỉ dừng lại ở mức độ “có mặt cho đúng thủ tục tục”. Các ý kiến về tâm lý hay hoàn cảnh xã hội của NCTN ít khi được coi là căn cứ để quyết định hình phạt hoặc thay đổi các biện pháp xử lý đối với NCTN và việc đánh giá nhân thân NCTN chủ yếu dựa vào lý lịch tư pháp do công an cung cấp.

Vì vậy, một trong những điểm tiến bộ đáng ghi nhận Luật Tư pháp NCTN năm 2024 là việc bắt buộc thực hiện điều tra xã hội với sự tham gia của người làm công tác xã hội. Cụ thể: “Ngay sau khi khởi tố bị can là người chưa thành niên, Cơ quan điều tra phải có văn bản yêu cầu người làm công tác xã hội trong danh sách... tham gia tổ tụng”²¹. Báo cáo điều tra xã hội tập trung vào hoàn cảnh gia đình, môi trường sống, mức độ trưởng thành của NCTN và các yếu tố có thể là nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của NCTN - đây chính là căn cứ quan trọng để Tòa án và Viện kiểm sát đưa ra quyết định, qua đó bảo đảm cách tiếp cận toàn diện, lấy trẻ em làm trung tâm²².

²⁰ Theo các chuẩn mực quốc tế về quyền trẻ em, đặc biệt là Bình luận chung số 24 (2019) của Ủy ban Quyền trẻ em Liên hợp quốc, độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự không được thấp hơn 12 tuổi và các quốc gia được khuyến nghị nâng ngưỡng này lên ít nhất 14 tuổi, tiến tới 15 hoặc 16 tuổi, nhằm hạn chế hình sự hóa trẻ em và tăng cường các biện pháp phục hồi, tái hòa nhập xã hội.

²¹ Xem khoản 1 Điều 53 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

²² Xem Điều 54, Điều 55 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024.

Thay vì áp dụng khung hình phạt cứng nhắc, Tòa án có thể quyết định các biện pháp xử lý chuyển dựa trên khả năng sửa chữa sai lầm của NCTN.

Bên cạnh đó, các quy định về phòng xử án thân thiện và cách thức tiến hành tố tụng phù hợp với tâm lý trẻ em đã tiệm cận đáng kể với các chuẩn mực của tư pháp thân thiện quốc tế²³.

Như vậy, có thể thấy, sự chuyển dịch từ "lý lịch tư pháp" sang "báo cáo điều tra xã hội" chính là minh chứng rõ nhất cho việc chuyển đổi từ tư pháp đối kháng (Adversarial) sang tư pháp hỗ trợ (Supportive), nơi mục tiêu cuối cùng không phải là "tổng số năm tù" mà là "mức độ tái hòa nhập thành công" của NCTN, thể hiện sự tương thích cao với các chuẩn mực quốc tế.

3.2. Những thách thức đặt ra trong thực tiễn thi hành

Mặc dù đạt được nhiều tiến bộ về mặt lập pháp, việc triển khai Luật TPNCTN năm 2024 vẫn đối mặt với các thách thức lớn, cụ thể như:

Thứ nhất, về nguồn lực cho công tác xã hội.

Các biện pháp xử lý chuyển hướng theo chuẩn quốc tế đòi hỏi một hệ thống nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp và mạng lưới dịch vụ cộng đồng mạnh mẽ. Bởi nếu không có nhân viên công tác xã hội để giám sát và thực hiện các chương trình trị liệu, việc xử lý chuyển hướng sẽ trở thành "buông lỏng" thay vì "giáo dục". Trong khi đó, ở Việt Nam, nguồn lực nhân viên công tác xã hội đang rất thiếu, mạng lưới nhân viên chuyên nghiệp ở cấp xã/phường hiện nay còn rất mỏng, chủ yếu là kiêm nhiệm, thiếu kỹ năng chuyên sâu.

Thứ hai, về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

Việt Nam vẫn giữ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là đủ 14 tuổi đối với các tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Trong khi đó, xu hướng quốc tế (Bình luận chung số 24) khuyến nghị các quốc gia nên nỗ lực nâng độ tuổi này lên mức cao hơn (ví dụ, 15 hoặc 16 tuổi). Dù giữ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là 14 tuổi, nhưng Luật TPNCTN năm 2024 đã giới hạn loại tội phạm mà người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm (chỉ các tội rất nghiêm trọng/đặc biệt nghiêm trọng do cố ý). Điều này cho thấy sự tương thích một phần của pháp luật hình sự Việt Nam so với chuẩn mực quốc tế, mặc dù chưa nâng độ tuổi.

²³ Liên hợp quốc (2019), *Bình luận chung số 24 về quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp người chưa thành niên*, CRC/C/GC/24: Yêu cầu quy trình tố tụng không được gây thêm sang chấn (re-traumatization). Môi trường tòa án truyền thống với bậc cao, sắc phục uy nghiêm và vành móng ngựa thường tạo ra cơ chế "tự vệ" hoặc "đóng băng" tâm lý ở trẻ em, khiến chúng không thể trình bày trung thực.

Thứ ba, về văn hóa pháp lý.

Mặc dù khung pháp lý về thu hẹp phạm vi áp dụng biện pháp tước quyền tự do đã chặt chẽ, nhưng thách thức vẫn nằm ở tư duy thực thi của Thẩm phán và Kiểm sát viên, những người thường có xu hướng chọn giam giữ để đảm bảo an toàn cho quá trình giải quyết vụ án. Bởi họ chịu áp lực từ hai phía: (1) Trách nhiệm công vụ nếu NCTN tái phạm khi được tại ngoại; (2) Áp lực từ "Cộng đồng mạng" và dư luận xã hội. Nguyên nhân chính là do sự mâu thuẫn giữa xu hướng 'trẻ hóa tội phạm' với mức độ mạnh động cao của NCTN phạm tội khiến dư luận lo ngại, tạo sức ép ngược lại cho việc áp dụng chính sách nhân đạo cho NCTN.

Thứ tư, về nguồn lực để thực hiện.

Chuẩn mực quốc tế về "Công lý phục hồi" đòi hỏi một mạng lưới các trung tâm tham vấn, trị liệu tâm lý và cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng. Luật mới yêu cầu phòng xét xử thân thiện, không còng tay, không mặc áo tù... tuy nhiên, điều kiện cơ sở vật chất ở nhiều địa phương hiện nay khó đáp ứng đủ điều kiện. Hiện nay ở Việt Nam, hệ thống này còn rất mỏng và thiếu chuyên nghiệp, yếu tố này có thể làm suy giảm hiệu quả thực tế của các biện pháp xử lý chuyên hướng và tống tọng thân thiện.

4. Kết luận

Pháp luật hình sự Việt Nam về tư pháp NCTN đã có bước tiến đáng kể trong việc tiệm cận các chuẩn mực quốc tế, đặc biệt thông qua việc ban hành Luật tư pháp NCTN năm 2024. Hệ thống các chuẩn mực quốc tế đã tạo thành một "kim chỉ nam" cho việc cải cách tư pháp NCTN, chuyển dịch từ mô hình "Trừng phạt" (Retributive Justice) sang mô hình "Phục hồi" (Restorative Justice), trong đó lợi ích và sự phát triển của NCTN trong tương lai được đặt lên hàng đầu. Đây chính là thước đo quan trọng nhất để đánh giá tính tiến bộ của pháp luật quốc gia, trong đó có Luật TP NCTN năm 2024 của Việt Nam. Nếu coi BLHS năm 2015 là bước "khởi động" thì Luật TP NCTN năm 2024 là bước "về đích" trong việc nội luật hóa các chuẩn mực quốc tế. Sự tương thích đã chuyển từ mức độ chung sang quy định cụ thể, đặc biệt ở khía cạnh thể chế hóa công lý phục hồi và đa dạng hóa biện pháp xử lý chuyên hướng, tạo hành lang pháp lý vững chắc để bảo vệ quyền lợi của NCTN phạm tội. Tuy nhiên, để bảo đảm sự tương thích không chỉ trên phương diện lập pháp mà còn trong thực tiễn áp dụng, cần tiếp tục đầu tư nguồn lực xã hội, nâng cao nhận thức của các chủ thể tiến hành tống tọng và từng bước hoàn thiện hệ thống dịch vụ hỗ trợ cộng đồng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Liên hợp quốc (1989), *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*.
2. Liên hợp quốc (1985), *Các quy tắc tiêu chuẩn tối thiểu của Liên hợp quốc về hoạt động tư pháp đối với người chưa thành niên*.
3. Liên hợp quốc (1948), *Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (UDHR)*.
4. Liên hợp quốc (1990), *Quy tắc của Liên hợp quốc về Bảo vệ Người chưa thành niên bị tước quyền Tự do*.
5. Liên hợp quốc (2019), *Bình luận chung số 24 về quyền trẻ em trong hệ thống tư pháp người chưa thành niên*.
6. Quốc hội (2015), *Bộ luật Hình sự*.
7. Quốc hội (2024), *Luật Tư pháp người chưa thành niên*.
8. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Tư pháp đối với người chưa thành niên*, NXB Tư pháp, Hà Nội
9. Hoàng Xuân Châu (2021), *Các triết lý phổ biến xử lý người chưa thành niên phạm tội trên thế giới - kinh nghiệm của Anh, xứ Wales và gợi ý cho Việt Nam*, Tạp chí Luật học (2).
10. Cao Thị Oanh (2019), *Xử lý chuyển hướng: Chuẩn mực quốc tế, kinh nghiệm với các nước và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tư pháp với người chưa thành niên - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Đào Phương Thanh (2019), *Kinh nghiệm pháp luật quốc tế về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội và bài học đối với Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Tư pháp với người chưa thành niên - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Mai Thị Thùy (2022), *Xử lý chuyển hướng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.